

Bản án số: 22/2024/KDTM-ST  
Ngày 23 - 7 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín  
dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Cơ Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Bình Minh
2. Bà Phạm Quý Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Diệu Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng XX; địa chỉ: x Láng Hạ, phường xx, quận xx, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đ Đ T, ông N M H và ông N V L; địa chỉ: Tầng x, số x Cao Thắng, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 836/2024/UQ-PGD ngày 01/02/2024); ông Linh và ông Hiếu vắng mặt, ông Trung có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX; địa chỉ: xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông T V N, sinh năm 1990; địa chỉ: xxx Huỳnh Văn Lũy, Khu x, phường xx, thành phố xxx, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX (gọi tắt là Công ty XXX) có vay vốn tại Ngân hàng XX (gọi tắt là XX) – chi nhánh Trung Sơn theo Hợp đồng cho vay số TSN/20240 ngày 21/8/2020 với nội dung như sau: Số tiền vốn vay là 1.135.000.000 đồng; thời hạn vay là 71 tháng; ngày giải ngân là ngày 21/8/2020; ngày đến hạn là ngày 21/7/2023; mục đích vay là mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty; lãi suất ban đầu là 8,8%/ năm trong 6 tháng đầu, mỗi tháng điều chỉnh lãi 1 lần.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty XXX đã thế chấp lại chiếc xe đã mua là xe ô tô hiệu Vinfast Lux A2.0, biển số 51H-348.85, theo Hợp đồng thế chấp số TSN/20240/HDTC ngày 21/8/2020.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty XXX đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Từ những lý do trên, XX đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty XXX thanh toán số nợ như sau:

- Nợ gốc: 734.997.750 đồng.
- Nợ lãi: 194.511.008 đồng.
- Lãi chậm trả: 29.686.063 đồng.

Tổng cộng tạm tính đến ngày 23/7/2024 Công ty XXX phải trả số nợ là 959.194.821 đồng.

Kể từ ngày 24/7/2024, Công ty XXX vẫn tiếp tục phải chịu lãi quá hạn lãi chậm trả theo hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho XX.

Trường hợp Công ty XXX không thanh toán được nợ thì XX có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Vinfast Lux A2.0, biển số 51H-348.85, theo Hợp đồng thế chấp số TSN/20240/HDTC ngày 21/8/2020.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp vẫn chưa đủ thanh toán nợ thì Công ty XXX vẫn phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho XX.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là Công ty XXX không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn do ông T V N đại diện theo

pháp luật vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án chậm tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, chậm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự; thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ vốn gốc, nợ lãi, nợ lãi chậm trả và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

*Về quan hệ tranh chấp:*

Ngày 21/8/2020, XX và Công ty XXX có ký kết Hợp đồng cho vay số TSN/20240. Các bên ký kết và thực hiện hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

*Về thẩm quyền giải quyết:*

Công ty XXX có trụ sở tại địa chỉ xx Đường 3/2, Phường x, Quận x. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng:*

Hợp đồng cho vay số TSN/20240 ngày 21/8/2020 và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa hai bên có xác định mục đích vay là để mua xe phục vụ kinh doanh và do các bên đều là chủ thể của quan hệ kinh doanh, thương mại; quan hệ tranh chấp giữa hai bên được xác định lại là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, vì vậy, Hội

đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

*[3] Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn – Công ty XXX đăng ký trụ sở tại địa chỉ xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn.

Căn cứ kết quả xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn còn đăng ký kinh doanh tại địa chỉ xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể.

Căn cứ kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường 2, Quận 11 xác nhận: “*tại địa chỉ xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX*”.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định Công ty XXX đăng ký trụ sở tại địa chỉ xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không hoạt động kinh doanh tại nơi đăng ký và không khai báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Bị đơn đang có nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn nhưng đã thay đổi trụ sở, nơi hoạt động kinh doanh mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về địa chỉ trụ sở, nơi hoạt động kinh doanh làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho bị đơn nhưng tại ngày mở phiên tòa 27/6/2024, đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng tại ngày mở phiên tòa 23/7/2024, đương sự tiếp tục vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[4] Về việc xem xét các chứng cứ:*

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại các lần tiến hành phiên họp và phiên hòa giải, đương sự có mặt thừa nhận và không có ý kiến phản đối các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập; người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt và không có văn bản phản đối các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

*[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

*5.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:*

Xét Hợp đồng cho vay số TSN/20240 ngày 21/8/2020 và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa XX và Công ty XXX có

giao dịch hợp đồng tín dụng, XX đã giải ngân cho Công ty XXX vay để mua xe nhằm phục vụ kinh doanh. Tuy nhiên, sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ bao gồm nợ vốn gốc, nợ lãi, nợ lãi chậm trả lãi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, hòa giải và không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này*”.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng cho vay số TSN/20240 ngày 21/8/2020 và Khế ước nhận nợ ký kết giữa XX và Công ty XXX được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước nên có hiệu lực pháp luật. XX đã giải ngân đầy đủ số tiền vay gốc cho Công ty XXX. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty XXX đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, XX khởi kiện yêu cầu Công ty XXX thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty XXX phải thanh toán cho XX nợ gốc và nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử 23/7/2024, cụ thể như sau: Nợ gốc là 734.997.750 đồng, nợ lãi là 194.511.008 đồng, nợ lãi chậm trả là 29.686.063 đồng. Tổng cộng là 959.194.821 đồng.

Công ty XXX còn có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số TSN/20240 ngày 21/8/2020 kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả dứt nợ.

#### *5.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:*

Công ty XXX có thế chấp tài sản đảm bảo trả nợ vay theo Hợp đồng thế chấp số TSN/20240/HDTTC ngày 21/8/2020. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô hiệu Vinfast Lux A2.0, biển số 51H-348.85. Việc thế chấp tài sản không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tình trạng sử dụng tài sản thế chấp vào ngày 25/3/2024; tuy nhiên, Công ty XXX không còn hoạt động và không bảo quản chiếc xe ô tô hiệu Vinfast Lux A2.0, biển số 51H-348.85 tại địa chỉ số xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phía bị đơn không có văn bản phản hồi và nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ cho nguyên đơn.

#### *[6] Xét ý kiến của bị đơn:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng bao gồm: Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn và không có ý kiến về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn.

#### *[7] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về việc Tòa án còn có một số khuyết điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả nợ vay cho nguyên đơn.

#### *[8] Về án phí:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ là 959.194.821 đồng (chín trăm năm mươi chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi một đồng) và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 40.775.845 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng).

*[9] Về xem xét nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:*

Ngày 29/02/2024, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Ngày 25/3/2024, Tòa án đã phối hợp cùng với các cơ quan địa phương tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp tại địa chỉ số xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã đóng tạm ứng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng được Tòa án chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn phải gánh chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 96; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng XX về việc buộc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng XX tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/7/2024 số tiền là 959.194.821 đồng (chín trăm năm mươi chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng), (bao gồm tiền nợ gốc là 734.997.750 đồng, nợ lãi là 194.511.008 đồng, nợ lãi chậm trả là 29.686.063 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên

có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng XX thì lãi suất mà Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng XX theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng XX.

Trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng XX có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Vinfast Lux A2.0, biển số 51H-348.85, theo Hợp đồng thế chấp số TSN/20240/HDTC ngày 21/8/2020.

Trường hợp sau khi xử lý, phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX thanh toán xong tất cả các khoản nợ trước khi cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng XX có nghĩa vụ tiến hành ngay thủ tục giải chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ đã giữ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX liên quan đến tài sản thế chấp; trừ trường hợp Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX còn phải thực hiện nghĩa vụ khác đối với Ngân hàng XX.

## 2. Về án phí:

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 40.775.845 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng XX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.785.298 đồng (mười tám triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi tám đồng) theo Biên Lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021052 ngày 21/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

## 3. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển XXX phải hoàn trả cho Ngân hàng XX số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Ngân hàng XX đã thanh toán trước số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## 5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.



6. Về quyền kháng nghị:

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Cơ Dũng**